

CỔ VẬT VIỆT NAM

CỔ THƯ BẰNG ĐỒNG THỜI NGUYỄN

Nguyễn Thị Hồng Dung*

Tư liệu thành văn xuất hiện khá sớm ở Việt Nam. Tư liệu thành văn là các loại thư tịch cổ có ghi thông tin trên nhiều chất liệu khác nhau như viết và in trên giấy, vải, da thú, tre nứa, đất nung, gốm sứ; khắc trên kim loại, bia đá, chuông, khánh đồng; viết hoặc khắc trên mai rùa, xương thú, gỗ... Một trong những nguồn thư tịch cổ quý hiếm trong tư liệu thành văn Việt Nam là những quyển cổ thư được làm bằng kim loại vàng, bạc và đồng. Cổ thư của nhà Nguyễn có nhiều chất liệu và loại hình phong phú nhất so với các triều đại phong kiến khác trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam. Đó là các loại *kim sách* (sách bằng vàng), *ngân sách* (sách bằng bạc), *đồng sách* (sách bằng đồng), *thể sách* (sách bằng lụa), *chỉ sách* (sách bằng giấy)...

Những quy định về sách phong thời Nguyễn

Triều Nguyễn vốn trọng Nho giáo nên rất chú trọng đến việc phong chức tước, ngôi vị cho các hoàng thân, công chúa, cung giai (vợ vua). Tùy thời điểm sắc phong, tùy tước vị lớn, nhỏ mà người được sắc phong sẽ được ban cấp cho một quyển *kim sách*, *ngân sách*, *đồng sách*, *thể sách* hoặc sắc phong trên *giấy long đằng*. Đó là những loại sách đặc biệt do triều đình nhà Nguyễn làm ra có nội dung chữ nghĩa để tôn phong các vua chúa hoặc ban tặng cho các thành viên được sung ái trong hoàng tộc.⁽¹⁾

Đầu triều Nguyễn, đời vua Gia Long, Minh Mạng mới chỉ dùng hai loại sách phong: *kim sách* để sắc phong cho vua và hoàng hậu, *ngân sách* để sắc phong cho các hoàng thân, công chúa, cũng như 9 bậc cung giai. Đến đời vua Thiệu Trị xuất hiện thêm một loại hình sách phong mới là *thể sách* dùng sắc phong cho các cung giai. *Đồng sách* là loại hình sách phong xuất hiện muộn nhất của triều Nguyễn, được sử dụng bắt đầu vào năm Tự Đức thứ 11 (1858): *Ngân sách thuần bằng bạc có mạ vàng để phong hoặc truy tặng cho thân vương, quận vương, các công chúa đã quá cố, xin nên đổi đồng loạt, cấp thành đồng sách để còn giữ được từ đời này sang đời khác.*⁽²⁾ Trong thời gian trị vì của vua Tự Đức, sách làm bằng đồng lá Việt Nam được dùng khá phổ biến để *cải cấp* (cấp lại), truy phong, sắc phong chức tước trong hoàng tộc thay cho sách bạc. Như vào năm 1864, 5 bộ sách bạc ban bộ chữ về phân chia các *phòng*⁽³⁾ ban cho Kiến An vương, Diên Khánh vương, Điện Bàn công, Thiệu Hóa quận vương, Thường Tín công có những chữ phạm tôn tự, húy tự phải cải đổi nên nhân đó, triều Nguyễn đã cải cấp lại sách đồng thay cho

* Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế.



Sách đồng truy phong Tiệp dư cho bà Tài nhân Nguyễn Trinh thị ngày 18 tháng 5 năm Bình Dân, Tự Đức năm thứ 19 (1/7/1866)

cho sách bạc và quy định tất cả sách đồng cải cấp dùng tấn phong, tặng phong đều phải ghi ngày cải cấp ở cuối sách để tiện tra cứu. Năm 1869, Tôn Nhơn Phủ *xin thu nộp các ngân sách, ấn, quan phòng của các hoàng thân, công chúa để nấu chảy đúc thành thỏi mà dùng. Lại y theo thể thức để cải cấp đồng sách cho tiện cất giữ đời đời.*⁽⁴⁾ Cũng trong năm này, sách đồng không chỉ dùng trong cải cấp mà còn được triều đình chính thức dùng làm sách tấn phong cho 32 công chúa cùng một lần: *xét trước mắt số bạc trữ tại kho không đủ. Như vậy việc phong tước làm vẻ vang*

thì ngân sách hay đồng sách chẳng quan trọng nên sách phong cho các công chúa bằng sách đồng.⁽⁵⁾

Như vậy là ban đầu, vua Tự Đức mới chỉ dùng sách đồng để cải cấp, truy phong cho các hoàng thân, công chúa, vợ các vua tiền triều. Về sau, sách đồng được dùng sắc phong thay cho sách bạc. Sách đồng tuy chiếm ưu thế hơn hẳn so với các loại sách bạc, sách lụa, giấy long đằng, song nó chỉ được sử dụng nhiều nhất trong thời gian trị vì của vua Tự Đức mà thôi. Từ năm 1885 trở về sau, triều Nguyễn rất ít dùng sách bạc, sách đồng để sách phong, việc truy phong, tấn phong hoàng thân, công chúa đều chuyển sang dùng sách lụa. *Từ năm Tự Đức thứ 36 (1883) đến nay (1885) đã lần lượt chuẩn y để truy cấp, tấn phong các hoàng thân, công chúa tổng cộng 12 người. Nay xin may theo thể sách chiếu theo mẫu đồng sách để sách phong, lấy đó làm lệ mãi mãi.*⁽⁶⁾

Sách đồng thời Nguyễn ở Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế

Sách phong của triều Nguyễn tuy có nhiều loại chất liệu song đó chỉ là quy định trong sử sách. Trên thực tế, do triều đình thu hồi để cải cấp nhiều lần, do sự thất thoát trong chiến tranh nên trong 3 loại sách kim loại của triều Nguyễn thì sách vàng và sách bạc hiện nay không còn bóng dáng một quyển nào. Tại Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế (BTCVCD), nơi đang lưu giữ nhiều cổ vật thời Nguyễn nhất, cũng chỉ may mắn còn lưu giữ được 5 quyển sách đồng chế tạo đời Tự Đức, dùng để truy phong và cải cấp. Những hoàng thân, cung phi trong 5 quyển sách đã được sắc phong từ trước, sau đó được Tự Đức cấp lại sách đồng thay cho sách bạc bị thu hồi nộp lại cho Tôn Nhơn Phủ.

Trong số 5 quyển sách đồng đang được lưu giữ tại BTCVCD Huế có 3 quyển khổ 21cm x 13cm, nặng: 700g-800g; 1 quyển khổ 22cm x 13,5cm, nặng: 960g; quyển lớn nhất khổ: 22,5cm x 14cm, nặng: 1.300g. Toàn bộ 5 quyển sách đồng được trình bày giống nhau, mỗi quyển có 5 lá đồng⁽⁷⁾ tức 5 trang sách, 2 trang bìa trước và bìa sau là trang đơn, 3 trang ruột kép (6 trang đơn) để chếp sách văn. Các trang được kết lại với nhau bằng 4 khuyên đồng tròn ở gáy phải của sách. Sách được đọc từ sau tới trước, từ trên xuống dưới, từ trái sang phải theo kiểu sách chữ Hán.

Nhìn chung, 5 quyển sách đồng có kiểu thức trang trí bìa và cách trình bày sách văn tương tự như nhau. Chính giữa hai trang bìa trước và bìa sau trang trí long vân, sơn thủy trong khung hình chữ nhật theo thủ pháp dập nổi kết hợp với chạm chìm. Long vân thể hiện một con rồng trong tư thế uốn lượn mềm mại để bay lên, xung quanh là các cụm mây tản. Rồng được dập nổi theo kiểu đặc tả chi tiết, trán có chữ *vuông*, đuôi xòe thành 8 chùm tia. Phía dưới long vân dập nổi hình tam sơn trên các làn sóng nước nhấp nhô đều đặn, một ngọn sóng vọt tia nước bắn lên gần tới đuôi rồng. Bao quanh 4 mặt của trang bìa là đường viền rộng khoảng 2cm, 4 góc dập nổi và chạm chìm lá đề cách điệu, trong lòng lá đề trang trí bông hoa thị 4 cánh. Các cạnh của đường viền trang trí hồi văn hoa thị trên nền văn tổ ong hay hình thoi, mỗi bông hoa nằm trong một tổ ong hoặc một hình thoi. Phần sách văn bằng chữ Hán được trình bày trên 5 hoặc 6 trang ruột đơn. Thường trang đầu chỉ có 3 dòng, các trang còn lại mỗi trang có 5 dòng, mỗi dòng từ 7 tới 10 chữ. Các chữ Hán được dập nổi trên nền đồng lá một cách chân phương, sắc nét.

Về nội dung của 5 quyển sách đồng thì có tới 4 quyển dùng để cải cấp cho các hoàng thân, phi tần thay cho sách bạc, quyển còn lại dùng truy phong tước vị cung giai cho bà vợ của một vị vua tiền triều. Dưới đây chúng tôi xin giới thiệu nội dung các sách phong này.

Quyển sách đồng thứ nhất

Nội dung chữ Hán khắc trên sách đại ý như sau:

Ngày 1 tháng 3 năm Mậu Tuất, Minh Mạng năm thứ 19 (1838)

Thay trời hành đạo, hoàng đế ban rằng:

Muốn giáo hóa việc lễ trong cung, phải bắt đầu từ chốn khuê phòng, theo phép tắc để định thứ bậc cho chính danh phận. Nay thấy Tiệp dư Nguyễn thị thật thà trung hậu, tính tình đoan trang, khiêm tốn, luôn hết lòng với mọi người và công việc nơi khuê phòng, giữ nghiêm phép tắc nơi cung cấm giúp cho việc giáo hóa được nghiêm túc. Để tỏ rõ sự khen ngợi, nay tấn phong người làm Hòa tần. Người hãy kính cẩn nhận lấy ân sủng này, tuân theo khuôn phép, cẩn trọng theo những lễ nghi nơi cung cấm để thấm nhuần ân trạch và sự quan tâm của trẫm. Hãy cung kính nhận lấy.

Cải cấp ngày 8 tháng 12 năm Tự Đức thứ 13 (1860).

Theo *Nguyễn Phước tộc thế phả* thì bà Hòa tần này là Nguyễn Thị Khuê (tên húy là Bích Chi) con gái của Chương cơ Nguyễn Văn Thanh trấn thủ tỉnh Quảng Yên, người Phúc Lộc, Gia Định. Bà sinh được 4 hoàng tử và 6 hoàng nữ. Khi mất bà được ban thụy là Tĩnh Nhã.

Quyển sách đồng thứ hai

Nội dung chữ Hán khắc trên sách đại ý như sau:

Ngày Tân Dậu, tháng Tư năm Canh Tý, Minh Mạng thứ 21 (1840)

Thay trời hành đạo, hoàng đế ban rằng:

Trẫm nghĩ: Bậc vương giả phải dùng lễ nghĩa để nuôi dưỡng, răn dạy con cái, lấy phép tắc và sự độ lượng để đánh giá những người ruột thịt. Nghĩ hoàng tử thứ 52 Miên Tĩnh từ nhỏ đã thật thà, ngay thẳng, thuận hòa, hiếu đạo, luôn trau dồi học vấn, có trí tiến thủ, tiếng thơm lan tỏa. Để khen thưởng cho đúng sự tôn quý, nay phong người làm Điện quốc công, ban cho sách ấn. Người hãy nghiêm túc tuân theo khuôn phép, lấy tu thân làm trọng, lấy trung hiếu làm đầu, lấy ánh sáng của lòng ân sủng để giữ mãi tiếng thơm. Hãy kính cẩn vâng lệnh.

Cải cấp ngày 1 tháng 9 năm Tự Đức thứ 12 (1859).

Hoàng tử Miên Tĩnh sinh ngày 26 tháng 9 năm Canh Dần (11/11/1830), là con thứ 52 của vua Minh Mạng với Hòa tần Nguyễn Thị Khuê. Khi còn trẻ ông hoàng đã học giỏi, thông suốt kinh sách nên được vua cha khen thưởng, phong làm Điện quốc công năm 1840 khi ông mới hơn 10 tuổi. Ông mất ngày 18/3/1870, hưởng dương 41 tuổi, được ban thụy là Cung Nhã, chôn cất ở Nguyệt Biều, nay thuộc thành phố Huế. Ông có 10 con trai và 7 con gái. Ông và con cháu mở ra Phòng 52 thuộc Đệ nhị chánh hệ, được ngự chế ban cho bộ *Diễn* để đặt tên cho con cháu trong Phòng.⁽⁸⁾

Quyển sách đồng thứ ba

Nội dung chữ Hán khắc trên sách đại ý như sau:

Ngày 21 tháng Giêng năm Quý Mão, Thiệu Trị năm thứ 3 (20/2/1843)

Thay trời hành đạo, hoàng đế ban rằng:

Trẫm nghĩ: Bậc vương giả, thuận theo lẽ trời, xây dựng đất nước và tôn thân, trước tiên là lấy sự tốt lành ở gốc rễ sâu dày của tổ tiên để an dân trị quốc và tiếp nối cơ đồ lớn lao, lấy hòa thuận trong tôn tộc để sáng rõ chữ minh đức, lấy sự phép tắc và đôn hậu để đánh giá luân thường đạo lý. Nay nghĩ người là hoàng đệ Miên Bảo thông minh, nhanh nhẹn, sớm đã thành đạt, khiêm tốn kính nhường, thiên tính vốn là lương thiện, hiếu trung trọn vẹn, lấy giáo dục nghĩa phương làm trọng, tiếng lan tỏa khắp nơi. Vậy phong người là Tân An quận công, ban cho sách mệnh. Người hãy siêng năng trong học vấn, phải kính trọng, nghiêm trang, cần mẫn, lấy tu thân làm trọng, lấy ánh sáng của lòng ân sủng này làm lẽ sống an lạc trường tồn.

Cải cấp ngày 19 tháng 6 năm Tự Đức thứ 11 (10/7/1858).

Miễn Bảo là con thứ 68 của vua Minh Mạng, mẹ là Hòa tần Nguyễn Thị Khuê. Ông sinh ngày 29 tháng 3 năm Ất Mùi (26/4/1835). Thừa nhỏ ông tính tình thận trọng lại hiếu học nên được vua chiếu cố. Lúc Thiệu Trị nối ngôi ông càng được sủng ái, phong làm Tân An quận công khi mới lên 8 tuổi. Ông mất ngày 19 tháng 6 năm Giáp Dần (13/7/1854), lúc 20 tuổi, thụy Tuệ Mục. Chôn cất ở làng Dương Xuân Hạ, nay thuộc xã Thủy Xuân, thành phố Huế. Phòng 68 của ông được ban bộ *Vi* để đặt tên cho con cháu.⁽⁹⁾

Quyển sách đồng thứ tư

Nội dung chữ Hán khắc trên sách đại ý như sau:

Ngày 18 tháng 5 năm Bính Dần, Tự Đức năm thứ 19 (1/7/1866)

Thay trời hành đạo, hoàng đế ban rằng:

Nghĩ đến cố Tài nhân Nguyễn Trinh thị, xuất thân từ gia đình danh tiếng, là một nữ sư phạm tài năng, đức hạnh thanh cao bội phần trong cung cấm, đã nhiều năm đảm nhận công việc và ân huệ sâu dày, tấm lòng hiền lành và tính tình tao nhã. Trẫm rất vui lòng và nghĩ rằng con người này được hưởng phúc mệnh cao xa sau khi đã qua đời, thanh danh còn tồn tại như những chuỗi ngọc đẹp để truyền đời. Vậy nên ban tước và thụy để biểu dương danh tiếng cho hậu thế trên đời. Nay đặc biệt tấn phong người là Tiệp dư, thụy là Trinh Mỹ, cấp theo sách mệnh, ngõ hầu thấm nhuần trong ân sủng này vậy. Hãy cung kính vâng mệnh.

Bà Tài nhân được truy phong làm Tiệp dư này không tìm thấy tên trong *Nguyễn Phước tộc thế phả* nên không rõ lai lịch. Tuy nhiên, do được truy phong vào đời Tự Đức nên bà Tiệp dư này có lẽ phải là bà vợ nổi tiếng của các vị vua tiền triều, Thiệu Trị hoặc Minh Mạng dù không có con cái.⁽¹⁰⁾

Quyển sách đồng thứ năm

Nội dung chữ Hán khắc trên sách đại ý như sau:

Ngày 6 tháng Giêng năm Mậu Thìn, Tự Đức năm thứ 21 (31/1/1868).

Thay trời hành đạo, hoàng đế ban rằng:

Muốn giáo hóa việc lễ trong cung, trước tiên phải sử trị nội bộ là nơi cánh cửa tốt đẹp mở rộng cho quan hệ đạo làm người, sắp xếp trật tự rõ ràng đúng theo khuôn phép. Nay xét Tiệp dư Nguyễn Lương thị tính tình nhu thuận, tư chất đứng đắn, trung trinh, ngôn hạnh phong nhàn, tính tình hiền lành, trong sáng, nghiêm túc mà ôn hòa, giữ phép tắc nghiêm trang trong cung cấm, khiêm tốn và cẩn mẫn, mở đường cho mọi người trong khuê các noi theo. Nay đặc biệt tấn phong người làm Cẩn tần. Người hãy kính cẩn nhận lấy ân sủng quang vinh này mà tăng cường sự cẩn thận để răn mình, không được trái lời trẫm dạy để thấm nhuần ân trạch mãi mãi về sau.

Cải cấp ngày 29 tháng Giêng năm Tự Đức thứ 23 (1/3/1870).

Do vua Tự Đức không có con nên số các bà vợ được ghi chép trong thế phả họ Nguyễn rất ít, chủ yếu là các bà có nhận con nuôi. Bà Cẩn tần họ Nguyễn này nằm trong số đồng các bà không có tên trong thế phả họ Nguyễn. Và có lẽ khi mới được sắc phong vào năm 1868, bà Cẩn tần vẫn được nhận sách phong bằng bạc nên đến năm 1870 phải cải cấp lại sách phong bằng đồng.

Một vài nhận xét

Thông qua 5 quyển sách đồng hiện có tại BTCVCD Huế, chúng ta có thể nhận thấy đây đều là những quyển sách được dùng để cải cấp và truy phong chức tước trong gia đình hoàng tộc cho 2 hoàng tử và 3 bà cung giai thời Nguyễn. Trong 5 người thì có 2 người được sắc phong vào đời Minh Mạng, 1 người được sắc phong vào đời Thiệu Trị, 1 người được truy phong và 1 người được sắc phong vào đời Tự Đức. Có một điều khá thú vị là có tới 3 trong 5 quyển sách đồng thuộc về gia đình bà Hòa tần Nguyễn Thị Khuê cùng hai con trai là hoàng tử Miên Tĩnh và Miên Bảo.

Theo sử sách nhà Nguyễn, sách đồng xuất hiện lần đầu năm 1858 đời vua Tự Đức. Lúc đầu sách đồng dùng để cải cấp thay cho sách bạc, sau dùng để truy phong và sắc phong. Do được sử dụng thay cho sách bạc nên hình thức, kích cỡ của sách đồng được làm theo quy định hoàn toàn giống sách bạc. Sách đồng được sử dụng nhiều và tồn tại song song cùng với các loại sách phong bằng vàng, bạc, lụa trong thời gian trị vì của vua Tự Đức.

Vậy nguyên nhân gì khiến triều Nguyễn phải sử dụng sách phong bằng đồng thay cho sách bạc?

- Nguyên nhân quan trọng nhất khiến triều Nguyễn phải dùng sách phong bằng đồng thay cho sách bạc là do ngân khố quốc gia ngày càng thiếu hụt, vàng bạc phải ưu tiên sử dụng cho những việc chi tiêu quan trọng của nhà nước. Một số nhà nghiên cứu cho rằng do triều Nguyễn thiếu kinh phí nên đã phải dùng sách vàng, sách bạc để bồi thường chiến phí cho Pháp sau Hòa ước Nhâm Tuất 1862. Tuy nhiên, trên thực tế việc sử dụng sách đồng để cải cấp, truy phong thay cho sách bạc đã được thực hiện từ năm 1858, khi Pháp mới nổi tiếng súng đầu tiên xâm lược nước ta. Hơn thế nữa, do nhà nước cần phải bổ sung thêm ngân khố nên số sách bạc đã cải cấp lại bằng sách đồng đã được Tôn Nhơn Phủ lần lượt thu hồi, giao cho Phủ Nội Vụ đúc thành bạc thỏi để lưu thông ngay từ năm 1858. Và sau khi đã bồi thường chiến phí cho Pháp, dù số lượng không nhiều song triều Nguyễn vẫn còn tiếp tục chế tạo và sử dụng ngân sách để sắc phong. Như việc tấn phong Kiên Thái vương năm 1869 *chiếu theo lệ cũ dùng sách bạc mạ vàng*.

⁽¹¹⁾ Đối với các bà vợ của vua Tự Đức thì quy định về sách phong bằng vàng, bạc vẫn còn tiếp tục được sử dụng vào thời điểm năm 1870: *sách để phong cho Hoàng quý phi làm bằng vàng, sách phong Khiêm phi làm bằng bạc mạ vàng, sách phong Tiệp dư làm bằng bạc*.⁽¹²⁾ Như vậy là trong giai đoạn trị vì của vua Tự Đức, sách phong bằng đồng tuy đã rất thịnh hành song bên

cạnh đó, sách bạc vẫn còn tiếp tục được dùng để sách phong. Điều đó chứng tỏ nguyên nhân sử dụng sách phong bằng đồng không hoàn toàn chỉ đơn thuần về giá trị kinh tế cho chất liệu sách phong.

- Một nguyên nhân nữa khiến triều Nguyễn sử dụng sách đồng để sách phong cũng có thể là muốn học tập, kế thừa truyền thống dùng sách phong bằng đồng của các triều đại phong kiến trước đó. Trong lịch sử thư tịch Việt Nam, sách được làm bằng kim loại đồng xuất hiện muộn hơn so với các loại cổ thư khác song sách đồng không phải đến triều Nguyễn mới được sử dụng mà đã có tiền lệ từ trước. Trên thực tế, sách đồng được phát hiện có niên đại sớm nhất ở nước ta hiện nay là sách đồng của thời Lê. Hiện tại, quyển sách đồng có niên đại cổ nhất Việt Nam là quyển sách đồng ở đền Cầu Không (Hà Nam) có niên đại đời vua Lê Thánh Tông. Đây là sách đồng khổ lớn 45cm x 18,5cm, nặng 6,5kg, có hiệu đề năm Hồng Đức thứ 3 (1472). Sách gồm 2 lá đồng (4 trang sách) khắc trên 500 chữ Hán ghi lại lý do và quá trình xây dựng, trùng tu đền Cầu Không thời vua Lê Thánh Tông. Quyển sách cổ quý hiếm này hiện do ông Nguyễn Văn Thùy ở thôn Văn An, xã Bắc Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam giữ gìn và bảo quản.⁽¹³⁾ Một quyển sách đồng có niên đại thời Lê nữa là quyển sách đồng khổ 19cm x 13cm, nặng 5,6kg được làm từ năm Chính Hòa thứ 8 (1687) đời vua Lê Huy Tông. Đây là quyển sách kim loại cổ có nhiều trang nhất gồm 18 lá đồng (36 trang sách). Nội dung của sách viết về công lao của vị tướng thời Lê được phong làm Thành hoàng là ông Nguyễn Văn Triều đồng thời thể hiện khoán ước của làng Đông Lao.⁽¹⁴⁾ Như vậy việc sử dụng sách bằng đồng trong sách phong thời Nguyễn không phải là một phát hiện mới lạ mà đó có lẽ còn là sự noi gương các bậc tiền bối trong việc dùng sách phong bằng sách đồng.

Sách đồng là một cổ vật quan trọng của dân tộc ta. Sách đồng không chỉ có giá trị về nội dung mà còn có giá trị lớn về loại hình, chất liệu, làm phong phú thêm các loại hình sách cổ quý hiếm ở Việt Nam.⁽¹⁵⁾ Tìm hiểu về sách đồng thời Nguyễn là góp phần tìm hiểu về một loại hình sách kim loại nói riêng, về nguồn thư tịch cổ thời Nguyễn cũng như lịch sử văn hóa Việt Nam nói chung. Đây chính là một loại hình sách cổ đặc biệt để qua đó, chúng ta có thể hình dung ra những quyển *kim sách*, *ngân sách* nổi tiếng thời Nguyễn hiện nay không còn tồn tại nữa.

N T H D

CHÚ THÍCH

- (1) Phan Thuận An, “Sách kim loại triều Nguyễn”, Tạp chí *Khảo cổ học*, số 1 năm 1996, tr. 74.
- (2) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tục biên, Tập I, Nxb Giáo dục, 2004, tr. 48.
- (3) Năm 1823 vua Minh Mạng cấp cho các Phòng thuộc Đệ nhất chánh hệ (con vua Gia Long) mỗi Phòng một quyển ngân sách gọi là Phiên hệ thi, trong khắc những bộ chữ kèm theo cách đặt tên cho từng Phòng để phân biệt với dòng chính Đệ hệ thi được khắc trong kim sách.
- (4) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Sđd*, Tập IV, tr. 161.

- (5) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, Sdd, Tập IV, tr. 162.
- (6) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, Sdd, tập IV, tr. 161.
- (7) Mỗi trang sách vẫn là một lá đồng gấp đôi tạo thành trang kép 2 mặt.
- (8) Hội đồng trị sự Nguyễn Phúc tộc, *Nguyễn Phúc tộc thế phả*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1995, tr. 309.
- (9) Hội đồng trị sự Nguyễn Phúc tộc, *Sách đã dẫn*, tr. 314.
- (10) Các bà vợ vua được ghi tên trong thế phả họ Nguyễn thường là các bà có con với vua.
- (11) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Sách đã dẫn*, Tập IV, tr. 162.
- (12) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Sách đã dẫn*, Tập IV, tr. 155.
- (13) Bùi Văn Vượng, *Văn hóa Việt Nam, tìm hiểu và suy ngẫm*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2005, tr. 309 - 312.
- (14) Lê Cường, "Về những quyển sách đồng có niên đại sớm", *Những phát hiện mới về khảo cổ học 1997*, Nxb Khoa học xã hội, 1998, tr. 317.
- (15) Bùi Văn Vượng, *Sách đã dẫn*, tr. 316.

TÓM TẮT

Triều Nguyễn vốn trọng Nho giáo nên rất chú trọng đến việc phong chức tước, ngôi vị cho các hoàng thân, công chúa, cung phi... Tùy thời điểm sắc phong, tùy tước vị lớn nhỏ mà người được sắc phong sẽ được ban cấp cho một cuốn kim sách, ngân sách, đồng sách, thế sách hoặc chỉ sách.

Sách phong bằng đồng vốn đã có ở nước ta từ triều Lê, nhưng dưới triều Nguyễn, nó xuất hiện lần đầu vào năm 1858 đời vua Tự Đức. Lúc đầu sách đồng dùng để cải cấp thay cho sách bạc, sau được dùng để truy phong và sắc phong.

Thông qua việc tìm hiểu 5 cuốn sách phong bằng đồng còn lưu giữ được ở Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế, người đọc có thể hình dung ra những cuốn kim sách, ngân sách quý giá thời Nguyễn nay đã không còn tồn tại nữa.

ABSTRACT

THE ANTIQUE BRONZE BOOKS OF THE NGUYỄN COURT

The Nguyễn Dynasty highly esteemed Confucianism and consequently paid great attention to conferring ranks and positions to princes, princesses, the imperial concubines... It depends on the time of the conferring as well as the rank and positions bestowed that one might be granted an imperial ordinance book in gold, silver, bronze, silk, or in paper.

Bronze ordinance books existed as early as the Lê Dynasty's times and under the Nguyễn Dynasty it was first issued in 1858 in the times of king Tự Đức's reign. At first, bronze books were used when it was necessary to replace silver books. Later they were used for conferring titles and post-humous titles.

On studying the five imperial ordinance books still kept in the Museum of Imperial Antiquities of Huế, one can infer that the valuable gold and silver imperial ordinance books of Huế are no longer now.